

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/DS-PT

Ngày 25- 3 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Cao Khánh

Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nhật Thư là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Do bản án sơ thẩm số 199/2020/DS-ST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cụ Nguyễn Văn P – sinh năm 1927.

Địa chỉ: khóm S, phường C, thành phố M.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ P: Anh Dương Công L – sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: khóm T, phường N, thành phố M, tỉnh M.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn V – sinh năm 1958.

2. Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Khóm Y, phường X, thành phố M.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V, bà T: Anh Trương L1 – sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã V, thành phố M, tỉnh M.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T1– sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: khóm 6, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Cụ Nguyễn Thị T2– sinh năm 1931.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ T2 là Cụ Nguyễn Văn P– sinh năm 1927 (có mặt).

Cùng địa chỉ: khóm S, phường C, thành phố M.

3. Ủy ban nhân dân thành phố M (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm R, phường I, thành phố M, tỉnh M.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn Cụ Nguyễn Văn P do người đại diện theo ủy quyền là anh Dương Công L trình bày:*

Vợ chồng Cụ Nguyễn Văn P và Cụ Nguyễn Thị T2 có phần đất diện tích 685,6m² đất thuộc thửa số 39, tờ bản đồ 03 (nay là thửa số 63, tờ bản đồ 07) tọa lạc tại khóm S, phường C, thành phố M. Vào ngày 13/12/2016 cụ T2 và cụ P ký hợp đồng tặng cho con gái là Bà Nguyễn Thị T1 quyền sử dụng đất với diện tích 685,6m². Ngày 12/5/2017 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh M cấp cho bà T1 hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, một phần đất diện tích 477,2m² và một phần đất diện tích 96m². Bà T1 đã cất nhà ở liền kề với nhà cụ T2 và cụ P để tới lui chăm sóc cha mẹ. Đến tháng 7/2017, do bà T1 không đủ sức khỏe để chăm sóc cụ P và cụ T2 nên bà T1 kêu ông Nguyễn Văn V (là con cụ P và cụ T2 cũng là anh bà T1) cùng vợ ông V là Bà Nguyễn Thị T về ở cùng nhà với cụ P và cụ T2 để chăm sóc cụ P và cụ T2 được ông V và bà T đồng ý. Sau khi ông V và bà T về sống chung nhà với cụ P và cụ T2 thì bà T1 đã tặng cho ông V phần đất diện tích 477,2m². Ông V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/7/2017 với diện tích 477,2m². Sau khi ông V và bà T về ở chăm sóc cụ P và cụ T2 đến ngày 02/4/2018 thì ông V và bà T đã bỏ nhà đi nên cụ P có trình báo với chính quyền địa phương giải quyết, nhưng đến nay ông V và bà T không trở về chăm sóc cụ P và cụ T2. Do đó, cụ P khởi kiện yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ P và cụ T2 với bà T1 trên diện tích đất 477,2m² và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà T1 với ông V với diện tích 477,2m² để trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ P và cụ T2. Cụ P đồng ý trả cho vợ chồng ông V, bà T tiền chi phí nộp thuế để chuyển quyền sử dụng đất từ hợp đồng tặng cho từ bà T1 sang cho ông V với số tiền 9.900.000 đồng.

- *Bị đơn Ông Nguyễn Văn V và Bà Nguyễn Thị T thống nhất trình bày:*

Khoảng đầu năm 2014, ông V và bà T là người trực tiếp chăm sóc cha mẹ là cụ P và cụ T2. Chăm sóc được một thời gian thì cha mẹ đuổi ông, bà đi không cho

ở chung nhà nên bà T1 trực tiếp chăm sóc cha mẹ do bà T1 có nhà ở gần nhà cha mẹ. Vào ngày 24/6/2017 (âm lịch), do anh em thống nhất cho vợ chồng ông V, bà T tiếp tục trở về chăm sóc cha mẹ nên ông V và bà T tiếp tục về chung sống với cha mẹ thì bà T1 đã làm hợp đồng tặng cho ông V phần đất diện tích 477,2m². Đến ngày 28/7/2017 ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất. Quá trình chăm sóc cha mẹ, do cha mẹ khó khăn nhiều lần xúc phạm vợ chồng ông V, nên vào khoảng tháng 3 năm 2018 vợ chồng ông V đi khỏi nhà cha mẹ, về sống tại khóm N, phường X, thành phố M cho đến nay. Do tài sản là quyền sử dụng đất không phải của cụ P tặng cho ông V mà do bà T1 tặng cho ông V nên ông V và bà T không đồng ý hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà T1 với ông V theo yêu cầu khởi kiện của cụ P.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Từ năm 2013 đến năm 2016, bà cất nhà ở gần phần đất của cha mẹ và cũng là người trực tiếp chăm sóc cha mẹ là cụ T2 và cụ P. Năm 2016 bà được cha mẹ cho phần đất 685,6m² đất thuộc thửa số 39, tờ bản đồ 03 (nay là thửa số 63, tờ bản đồ 07) tọa lạc tại khóm S, phường C, thành phố M, tỉnh M. Vào ngày 12/5/2017, bà T1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh M cấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, một phần đất diện tích 477,2m² và một phần đất diện tích 96m². Phần đất 96m² bà T1 đã cất một căn nhà để cho thuê. Đến tháng 7/2017, do không đảm bảo sức khỏe để tiếp tục chăm sóc cha mẹ, được sự đồng ý của cha mẹ và các anh em nên bà T1 có yêu cầu ông V về chăm sóc cha mẹ suốt đời. Sau khi ông V và bà T về chăm sóc cha mẹ thì cụ P yêu cầu bà T1 tặng cho vợ chồng ông V phần đất diện tích 477,2m² được bà T1 đồng ý. Đến ngày 28/7/2017 ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất với diện tích 477,2m². Sau khi ở chăm sóc cha mẹ được một thời gian thì vợ chồng ông V không thực hiện nghĩa vụ chăm sóc cha mẹ theo thỏa thuận mà bỏ nhà đi, do đó cụ P yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ P, cụ T2 với bà T1 trên diện tích đất 477,2m², bà T1 đồng ý. Bà T1 đồng ý hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà T1 với ông V trên phần đất đã tặng cho ông V diện tích 477,2m² để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ P và cụ T2.

Bản án sơ thẩm số 114/2019/DS-ST ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là cụ Nguyễn Văn P.

Hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 13/12/2016 giữa Cụ Nguyễn Văn P và Cụ Nguyễn Thị T2 với Bà Nguyễn Thị T1 đối với phần diện tích 685,6m², thửa 39 tờ bản đồ 03 theo bản đồ địa chính năm 1998.

Hủy toàn bộ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 19/7/2017 giữa Bà Nguyễn Thị T1 với Ông Nguyễn Văn V đối với phần đất 477,2m² thửa 63 tờ bản đồ số 07.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố M điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp quyền sử dụng đất với diện tích 477,2m² đất thửa 63 tờ bản đồ số

07 (thửa 39 tờ bản đồ 03 theo bản đồ địa chính năm 1998) cho cụ Nguyễn Văn P và cụ Nguyễn Thị T2.

Cụ Nguyễn Văn P có quyền liên hệ với Ủy ban nhân dân thành phố M để điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công nhận sự tự nguyện của cụ Nguyễn Văn P về việc hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T số tiền chi phí nộp thuế để chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 9.900.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T trả cho cụ Nguyễn Văn P chi phí giám định, đo đạc số tiền 10.467.500 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ông Nguyễn Văn V và Bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố M.

Bản án phúc thẩm số 302/2019/DS-PT ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh M quyết định:

Hủy bản án sơ thẩm số 114/2019/DS-ST ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thành phố M giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm số 199/2020/DS-ST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố M, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cụ Nguyễn Văn P về việc:

Hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 13/12/2016 giữa Cụ Nguyễn Văn P và Cụ Nguyễn Thị T2 với Bà Nguyễn Thị T1 đối với phần đất diện tích 477,2m², thửa 39, tờ bản đồ 03 theo bản đồ địa chính năm 1998.

Hủy toàn bộ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 19/7/2017 giữa Bà Nguyễn Thị T1 với Ông Nguyễn Văn V phần đất 477,2m² thửa 39 tờ bản đồ 03 theo bản đồ địa chính năm 1998.

Buộc Ông Nguyễn Văn V và Bà Nguyễn Thị T trả lại phần quyền sử dụng đất diện tích 477,2m² cho cụ Nguyễn Văn P.

Cụ Nguyễn Văn P và Cụ Nguyễn Thị T2 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh hoặc xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Công nhận sự tự nguyện của cụ Nguyễn Văn P về việc cụ Nguyễn Văn P có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất số tiền 9.900.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T trả lại cho cụ Nguyễn Văn P chi phí giám định số tiền 10.467.500 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 16/12/2020 và 23/12/2020 Ông Nguyễn Văn V và Bà Nguyễn Thị T kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng hoặc sửa án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Văn P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của Ông Nguyễn Văn V và Bà Nguyễn Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V và bà T; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Văn V và Bà Nguyễn Thị T đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố M, lý do ông V bị bệnh phải phẫu thuật chưa đi lại được nên bà T phải chăm sóc ông V nhưng cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông V và bà T là vi phạm tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Nguyễn Văn V và Bà Nguyễn Thị T đã nhận được giấy triệu tập xét xử lần thứ hai vào ngày 12/11/2020 nhưng vào ngày 24/11/2020 ông Nguyễn Bảo An là con ông V đã nộp giấy xác nhận sức khỏe ông V sau khi phẫu thuật và ra viện vào ngày 30/10/2020 chưa đi lại được. Tuy nhiên, bà T cho rằng phải chăm sóc ông V nên đề nghị hoãn phiên tòa là lý do không chính đáng nên căn cứ theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố M xét xử vắng mặt ông V và bà T là không vi phạm tố tụng nên không có cơ sở hủy bản án sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Văn V và Bà Nguyễn Thị T đề nghị sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố M, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn là Cụ Nguyễn Văn P và Bà Nguyễn Thị T1 thừa nhận phần đất diện tích 477,2m² do ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/7/2017 là do Bà Nguyễn Thị T1 làm hợp đồng tặng cho ông V vào ngày 19/7/2017. Nguồn gốc đất bà T1, ông V đều thừa nhận có nguồn gốc do cha mẹ là cụ P và cụ T2 tặng cho bà T1 vào ngày 13/12/2016 với diện tích 685,6m². Đến ngày 12/5/2017 bà T1 được cấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 96m² và một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 477,2m². Bà T1 và cụ P đều thừa nhận vào năm 2008, cụ P và cụ T2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.647m². Từ năm 2012 đến ngày 03/11/2016, cụ P và cụ T2 đã tặng cho các con cháu và chuyển nhượng đất cho nhiều người gồm Phan Hồng Khanh, Phạm Hoàng Nam, Nguyễn Trung Thành, Nguyễn Kim Hồng, Lê Hải Phương. Phần đất còn lại của cụ P và cụ T2 có diện tích là 685,6m² (BL 15). Ngày 13/12/2016 cụ P và cụ T2 ký hợp đồng tặng cho bà T1 toàn bộ diện tích đất còn lại là 685,6m² (BL 34). Khi tặng cho đất, cụ P cho rằng có đặt điều kiện bà T1 phải chăm sóc cụ P và cụ T2 nhưng không có chứng cứ chứng minh. Bà T1 cho rằng việc cụ P và cụ T2 tặng cho đất bà không đặt ra điều kiện nhưng do bà T1 đã cất nhà ở gần với nhà cha mẹ nên đã tới lui

chăm sóc cụ P và cụ T2 (BL 470). Việc bà T1 cho rằng năm 2017 anh em họ gia đình thống nhất cho vợ chồng ông V và bà T về ở và chăm sóc cha mẹ thì bà T1 sẽ tặng cho ông V phần đất diện tích 477,2m² nhưng cũng không có biên bản họp gia đình. Ông V thừa nhận sau khi vợ chồng ông về chăm sóc cha mẹ thì bà T1 đã tặng cho ông V phần đất diện tích 477,2m² nhưng cũng không có đặt điều kiện. Tại họp đồng tặng cho đất giữa bà T1 và ông V vào ngày 19/7/2017 không có ghi điều kiện khi tặng cho đất (BL 38). Ông V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/7/2017 với diện tích 477,2m² (BL 30). Sau khi ông V và bà T về ở chăm sóc cha mẹ đến tháng 03/2018 thì ông V và bà T bỏ nhà đi nên ông Phát đã báo chính quyền địa phương giải quyết vào ngày 28/3/2018 (BL 08). Tại biên bản ông V ký tên và cam kết sẽ chăm sóc cha mẹ nhưng sau đó ông V và bà T tiếp tục bỏ nhà đi cho đến nay.

[3] Xét thấy cụ P yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho đất giữa bà T1 với ông V và hủy hợp đồng tặng cho đất giữa cụ P và cụ T2 với bà T1 trong khi hợp đồng tặng cho đất quyền sử dụng đất giữa bà T1 với ông V không có liên quan đến hợp đồng tặng cho đất giữa cụ P và cụ T2 với bà T1. Khi cụ P và cụ T2 tặng cho bà T1 quyền sử dụng đất thì cụ P không chứng minh được việc tặng cho có điều kiện. Bà T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên cụ P và cụ T2 không còn quyền trên diện tích đất của cụ P và cụ T2 đã tặng cho bà T1. Năm 2017, khi bà T1 tặng cho quyền sử dụng đất cho ông V thì bà T1 cho rằng tặng cho có điều kiện nhưng ông V không thừa nhận, bà T1 cũng không chứng minh được việc tặng cho là có điều kiện. Mặc khác, khi cụ T2 và cụ P tặng cho đất bà T1 diện tích 685,6m² vào năm 2016 thì cụ T2 chưa bị bệnh. Theo kết quả giám định số 228/2018/KLGĐTC ngày 18/10/2018 (BL 123) xác định cụ T2 đã bị bệnh tâm thần không có khả năng nhận thức, do đó hiện nay cụ P đại diện theo ủy quyền của cụ T2 để khởi kiện yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho đất giữa cụ T2 và cụ P với bà T1 và hủy hợp đồng tặng cho đất giữa bà T1 với ông V để trả lại đất cho cụ P và cụ T2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở.

[4] Việc bà T1 đồng ý hủy hợp đồng tặng cho đất giữa bà T1 với ông V vì cho rằng ông V và bà T đã vi phạm điều kiện không chăm sóc cha mẹ đến suốt đời, bà T1 có cung cấp biên bản hòa giải ngày 28/3/2018 nhưng biên bản này thể hiện cụ P trình bày ông V đã ngược đãi cụ Phát, tuy ông V không thừa nhận nhưng ông V đã ký tên đồng ý tiếp tục chăm sóc cha mẹ chu đáo. Tuy nhiên, do bà T1 không chứng minh được việc tặng cho đất ông V là có điều kiện nên không căn cứ vào biên bản ngày 28/3/2018 để cho rằng ông V đã vi phạm điều kiện theo quy định tại Điều 462 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại hồ sơ và tại phiên tòa, bà T1 cho rằng có họp gia đình có mặt cụ P, cụ T2, ông V, bà T, bà T1, chị Thuần, ông Thành và 03 người con của ông V là Nguyễn Bảo An, Nguyễn Bảo Xuyên và Nguyễn Kim Hồng nhưng không có ghi biên bản họp gia đình. Căn cứ vào lời trình bày của những người do bà T1 cho rằng đã tham gia họp gia đình đều trình bày không thống nhất nhau nên cũng không có cơ sở cho rằng việc bà T1 tặng cho đất ông V là có điều kiện nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho đất giữa bà T1 với ông V.

Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ P để hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 13/12/2016 giữa cụ P và cụ T2 với bà T1 và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 19/7/2017 giữa bà T1 với ông V để giao phần đất diện tích 477,2m² cho cụ P và cụ T2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V, bà T; sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố M.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là chưa phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với chi phí giám định năng lực hành vi dân sự của cụ P và cụ T2 bằng số tiền 10.467.500 đồng, cụ P tự chịu.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Cụ Nguyễn Văn P được miễn nộp do cụ P là người cao tuổi.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn V, Bà Nguyễn Thị T nên ông V, bà T không phải chịu.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T.

Sửa bản án sơ thẩm số 199/2020/DS-ST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố M.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Cụ Nguyễn Văn P về việc Hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 13/12/2016 giữa Cụ Nguyễn Văn P và Cụ Nguyễn Thị T2 với Bà Nguyễn Thị T1 đối với phần đất diện tích 477,2m², tại thửa 39, tờ bản đồ số 03 theo bản đồ địa chính năm 1998 (nay là thửa 63 tờ bản đồ số 07).

Không chấp nhận yêu cầu hủy toàn bộ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 19/7/2017 giữa Bà Nguyễn Thị T1 với Ông Nguyễn Văn V đối với phần đất diện tích 477,2m² tại thửa 39, tờ bản đồ số 03 theo bản đồ địa chính năm 1998 (nay là thửa 63, tờ bản đồ số 07).

Chi phí giám định cụ Nguyễn Văn P phải chịu số tiền 10.467.500 đồng (mười triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Đã qua cụ P đã nộp xong.

Án phí dân sự sơ thẩm: Cụ Nguyễn Văn P không phải nộp.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn V và Bà Nguyễn Thị T không phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố M;
- Chi Cục THADS thành phố M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Phương Loan

